

Bản án số: 02/2022/HS-ST
Ngày 22 tháng 02 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MINH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thỏa, ông Lý A Tồn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Thái Hùng là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Ma Phúc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 02/2022/TLST-HS ngày 27/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HS ngày 10/02/2022 đối với các bị cáo:

1. Lộc Văn Q, sinh năm 1991, tại xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lộc Văn Q1, sinh năm 1971 và bà Hà Thị N, sinh năm 1970; vợ: Không có (chung sống như vợ chồng với chị Vầy Thị S, sinh năm 1992 và có 01 con chung, chị S bỏ đi biệt tích từ năm 2015); con: Có 01 con, sinh năm 2014; tiền án tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị bắt ngày 20/12/2021. Có mặt.

2. Nguyễn Văn D, sinh năm 1990, tại xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; vợ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1989, con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo Lộc Văn Q, Nguyễn Văn D: Ông Nguyễn Xuân Giang, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng: Hoàng Văn T1 Có mặt; Trương Văn V, Nguyễn Văn T, Thào Mí P, Tân A T3, Lù A T2. Vắng mặt không có lý do.

+ Người phiên dịch tiếng dân tộc Tày: Ông Nguyễn Minh Hiếu, nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn Yên Minh, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 20 giờ tối ngày 28/8/2021 bị cáo Lộc Văn Q đi bộ từ nhà đến nhà bị cáo Nguyễn Văn D và rủ D đi chơi, D đồng ý rồi điều khiển xe mô tô của em trai ruột là Nguyễn Văn D1 mà Dũng đã mượn từ trước để chở Q đi chơi, trên đường đi Q nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên chủ động rủ rê, khởi xướng nói với D là đã quan sát nhìn thấy 01 chiếc máy cày của gia đình bà Nguyễn Thị K đang để ở bờ ruộng trên đồi cách xa nhà mà không có người trông coi nên rủ D cùng đi lấy trộm bán lấy tiền chia nhau, nghe vậy D liền đồng ý, khi đó có gặp Lộc Văn N sinh năm 2006 là em trai họ của Q nên Q có mượn điện thoại của N gọi điện cho Trương Văn V sinh năm 1995, nhà ở thôn B cùng xã N để hỏi mượn dụng cụ gồm kìm, cờ lê để thực hiện hành vi trộm cắp nhưng không nói cho V biết là mượn đi để làm gì, V đồng ý nên hai người cùng đi đến nhà V là quán sửa chữa xe máy, mua bán sắt vụn, thu mua, sửa chữa đầu máy nổ các loại, đến nơi gọi thì V mở cửa, khi đó Q tự đi vào trong nhà lấy dụng cụ gồm 02 chiếc cờ lê, 01 chiếc kìm rồi đi ra ngoài đường trước cửa nhà V, Q nhìn thấy có 01 bao tải đã qua sử dụng liền cầm lấy cát vào trong cốp xe, sau đó D cùng Q tiếp tục điều khiển xe máy đi đến khu vực để máy cày 100m dừng xe máy mở cốp xe lấy kìm, cờ lê rồi cùng nhau đi bộ đến vị trí máy cày, lúc đầu D bảo tháo lấy bộ phận đầu bò của máy cày nhưng không tháo được nên Q bảo phải tháo lấy bộ phận đầu nổ máy cày, rồi hai người cùng nhau tháo lấy đầu nổ máy cày, sau khi đã tháo hết các ốc xong hai người cùng nhấc đầu nổ ra khỏi thân máy đặt xuống bên cạnh, Q bảo D đi tìm cây về cùng nhau khiêng, Q tháo lấy dây ga và bộ phận dao lên xuống của máy cày, khi D lấy 01 đoạn cây đến thì Quang cùng D buộc đầu nổ máy cày vào đoạn cây cùng nhau khiêng đến vị trí xe máy và buộc cẩn thận, sau đó D tiếp tục điều khiển xe chở Q cùng đầu nổ máy cày đi được 01km thì dừng xe và cởi đầu nổ máy cày ra đặt ở cạnh đường, xong hai người tiếp tục điều khiển xe máy đến gọi V nhưng V không mở cửa, sau đó Q, D tiếp tục đi lên quán bi a gần đó chơi xem mọi người đánh bi a; khi đó Q tiếp tục mượn điện thoại gọi thì V nghe điện thoại, Q nói dậy mở cửa để trả kìm và cờ lê thì V đồng ý, rồi Q cùng D đi đến nhà, V ra mở cửa, khi đó một mình Q đi vào trong nhà trả dụng cụ đã mượn và nói chuyện hỏi V là đang có 01 đầu nổ máy cày không dùng đến nên bán có mua không thì V bảo có, đem đến đây, khi đó Q hỏi mượn xe máy của V để cho D đi chở đầu nổ máy cày về bán thì V đồng ý nên Q bảo D vào dắt xe ra đi chở đầu nổ máy cày về còn Q ngồi nói chuyện bàn bạc thống nhất giá mua bán với giá 600.000 đồng, sau khi bán đầu nổ máy cày trộm cắp được cho V nhưng V không biết nguồn gốc tài sản đó từ đâu mà có vì Q và D không nói và V cũng không hỏi; sau đó đi về thì Qg và D chia nhau đem tiêu sài cá nhân hết.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã chứng minh làm rõ sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên, khoảng 23 giờ ngày 29/9/2021, bị cáo Lộc Văn Q còn cùng với Nguyễn Văn T sinh năm 1988, trú tại thôn N1, xã N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SUFAT.100-T, Biển số: 23M1 - 001.55 của gia đình ông Thào Mí P sinh năm 1987, trú tại thôn C, xã N, sau khi lấy trộm được thì Lộc Văn Q cùng Nguyễn Văn T điều khiển xe máy đi tiêu thụ bán cho ông Hoàng Văn T, trú tại tổ 3, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang được số tiền là 850.000 đồng đem chia nhau tiêu sài cá nhân hết; ngày 06/10/2021, Nguyễn Văn T còn một mình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 Puly bánh đà Máy nghiền đá và 02 con Lăn băng tải máy nghiền đá của ông Tấn A T3, trú tại thôn P, xã N sau đó T bán số tài sản trên cho ông Lù A T2, trú tại thôn T, xã N1 được số tiền 750.000 đồng đem tiêu sài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 20/KL- HDDGTS, ngày 28/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang, kết luận 01 (một) đầu máy nổ của máy xới vi sinh (*máy cày*) màu sơn đỏ, có kích thước (49x32x41cm) trên nắp máy có in nổi ký hiệu “186FA”; có đầy đủ linh kiện, ống xả, bình nhiên liệu, nước sản xuất Trung Quốc. Máy cũ đã qua sử dụng. 01 (một) Đuôi lắp dao máy cày (*đuôi hình chữ A*) kích thước (26x9x5)cm, cũ đã qua sử dụng và 01 (một) dao lắp đuôi máy cày kích thước (43x4x1cm), đã qua sử dụng. Kết luận tại thời điểm bị mất trộm có trị giá là 2.300.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 02/CT-VKS-YM ngày 26/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh đã truy tố các bị cáo Lộc Văn Q, Nguyễn Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lộc Văn Q, Nguyễn Văn D về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Lộc Văn Q từ 09 tháng đến 12 tháng tù; bị cáo Nguyễn Văn D từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Về Hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của BLHS năm 2015.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để tịch thu tiêu hủy đối với số vật chứng gồm: 01 (một) bao tải màu trắng mặt ngoài in hoa văn nhiều màu sắc, cũ đã qua sử dụng; 01 (một) chìa khóa có chữ HONDA trên chìa có chữ số P108, chìa khóa đã qua sử dụng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu và không tranh luận chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho các bị cáo đồng tình nhất trí với nội dung bản cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát đề nghị, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự vì tài sản trộm cắp có giá trị không lớn, chưa gây thiệt hại và đã được trả lại cho chủ sở hữu, người bị hại không có đề nghị gì về việc bồi thường; bị cáo D là đồng phạm với vai trò là người giúp sức do vậy đề nghị xử phạt bị cáo Lộc Văn Q 09 tháng tù; áp dụng thêm Điều 36 của Bộ luật Hình sự đề xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nguyễn Văn D; về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho các bị cáo vì thuộc diện người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, các bị cáo đều có đơn xin miễn án phí và đã gửi cho Hội đồng xét xử.

Kiểm sát viên có quan điểm, người bào chữa đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự vì gây thiệt hại không lớn là không có căn cứ, tài sản mà các bị cáo đã trộm cắp có giá trị 2.300.000đ đủ định lượng theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, mặt khác Cơ quan điều tra đã quyết liệt, kịp thời trong việc truy tìm tài sản, nên mới trả lại được tài sản cho bị hại khi chưa bị hỏng hóc gì, do vậy Viện kiểm sát không đồng tình áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như người bào chữa đã đề nghị; đối với đề nghị của người bào chữa áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự để cho bị cáo D được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ, Viện kiểm sát không nhất trí vì bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo Q một cách tích cực như cùng tham gia thực hiện hành vi trộm cắp, dùng phương tiện của mình mượn được để chở tài sản trộm cắp đi tiêu thụ, được chia số tiền bán tài sản do trộm cắp mà có, do vậy Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội.

Người bào chữa và các bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm và không tranh luận đối đáp gì thêm.

Bị hại nhất trí với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, không có tranh luận đối đáp; không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm không có tranh luận đối đáp gì thêm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đều được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đều hợp pháp; về tính hợp pháp của các chứng cứ tài liệu do Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng cung cấp đều đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Do đó các chứng cứ tài liệu do Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng cung cấp đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt những người làm chứng Trương Văn V, Nguyễn Văn T, Thào Mí P, Tẩn A T3, Lù A T2 không có lý do. Xét thấy việc những người làm chứng vắng mặt đã có đầy đủ lời khai lưu trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử của Tòa án do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Lộc Văn Q, Nguyễn Văn D đã khai nhận bị cáo Q chủ động rủ rê, khởi xướng cùng bị cáo D thực hiện hành vi lén lút trộm cắp được 01 đầu máy nổ có trị giá là 2.300.000 đồng của gia đình bà Nguyễn Thị K rồi đem bán được 600.000 đồng và chia nhau tiêu sài cá nhân hết.

[4] Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của chính các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng trong vụ án, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập và lưu trong hồ sơ vụ án... Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Do lười lao động mà vẫn muốn có tiền để tiêu sài cá nhân nên tối ngày 28/8/2021, Lộc Văn Q trước đó đã quan sát thấy nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản liền chủ động rủ rê, khởi xướng cùng Nguyễn Văn D thực hiện hành vi lén lút trộm cắp được tài sản là 01 đầu máy nổ có trị giá là 2.300.000 đồng của gia đình bà Nguyễn Thị K rồi đem bán được 600.000 đồng và chia nhau chi tiêu cá nhân hết.

[5] Hành vi nêu trên của các bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và hiểu biết xã hội nhất định nên có thể nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác với bất kỳ mục đích gì đều bị pháp luật xử lý, nhưng vì mong muốn có được tài sản mà không phải bỏ công sức lao động nên các bị cáo đã cố ý lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có trị giá 2.300.000 đồng, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015.

[6] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến dư luận quần chúng nhân dân ...do vậy cần phải xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự với mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để

giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội cũng như phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Vai trò hành vi phạm tội: Các bị cáo phạm tội không có tổ chức, chỉ là đồng phạm giản đơn, cụ thể: Bị cáo Lộc Văn Q giữ vai trò là người chủ động rủ rê, khởi xướng đồng thời trực tiếp tham gia thực hiện tội phạm, mặt khác quá trình điều tra bị cáo Q bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tuy nhiên bị cáo không chấp hành mà bỏ đi khỏi địa phương và bị bắt theo quyết định truy nã; đối với bị cáo Nguyễn Văn D giữ vai trò là người giúp sức tích cực cùng tham gia thực hiện tội phạm, do vậy khi lượng hình cần có mức án tương xứng với vai trò của các bị cáo trong vụ án cụ thể bị cáo Q có mức hình phạt cao hơn so với bị cáo D.

[8] Về tình tiết định khung tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lộc Văn Q, Nguyễn Văn D đều có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện phát triển kinh tế đặc biệt khó khăn, trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, đều có nhân thân tốt; bị cáo Q là lao động chính đang phải nuôi 01 con nhỏ vì mẹ của cháu bé đã bỏ đi khỏi địa phương không xác định được hiện đang ở đâu (quá trình bị cáo bị bắt tạm giam cơ quan điều tra đã giao cháu bé cho bố mẹ của bị cáo Q chăm sóc nuôi dưỡng) là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

[10] Về nhân thân: Các bị cáo Lộc Văn Q, Nguyễn Văn D đều có nhân thân tốt.

[11] Quyết định tạm giam bị cáo Lộc Văn Q 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

[12] Quyết định bắt bị cáo Nguyễn Văn D sau khi tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[13] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có công việc, tài sản và thu nhập ổn định, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[14] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Đối với hành vi của bị cáo Lộc Văn Q còn cùng với Nguyễn Văn T sinh năm 1988, trú tại thôn N1, xã N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 (một) chiếc mô tô Biển kiểm soát: 23M1-001.55 của gia đình ông Thảo Mí P sinh năm 1987, trú tại thôn C, xã N có trị giá khi định giá là 1.200.000 đồng, rồi đem đi tiêu thụ cho ông Hoàng Văn T1, trú tại tổ 3, thị trấn Yên Minh được số tiền là 850.000 đồng đem chia nhau tiêu sài cá nhân hết. Xét thấy, hành vi trộm cắp số tài sản này của bị cáo Lộc Văn Q cùng Nguyễn Văn T chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, Lộc Văn Q tuy hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng lần thứ hai thực hiện vào ngày 29/9/2021, cách trước đó 01 tháng 01 ngày, nên không có tính chất liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian, không nhằm lấy tài sản trộm cắp làm nguồn sống chính (nghề nghiệp của Q là trồng trọt sinh sống tại địa phương), tài

sản bị trộm cắp (01 xe máy) không phải là phương tiện kiếm sống của gia đình người bị hại (gia đình ông P là hộ gia đình trồng trọt tại địa phương), nên cơ quan điều tra đã xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi trộm cắp tài sản lần này của Q và Tường là thỏa đáng và đúng theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[16] Đối với hành vi của Nguyễn Văn T ngày 06/10/2021, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 Puly bánh đà Máy nghiền đá và 02 con Lăn băng tải máy nghiền đá của ông Tấn A T3, trú tại thôn P, xã N, sau đó T bán số tài sản trên cho ông Lù A T2, trú tại thôn T, xã N2 được số tiền 750.000 đồng đem tiêu sài hết cá nhân hết. xét thấy không đủ căn cứ xử lý hình sự nên Cơ quan điều tra đã xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi trộm cắp tài sản của T là thỏa đáng, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[17] Đối với Trương Văn V, Hoàng Văn T1 và Lù A T2 đã có giao dịch mua bán tài sản do Lộc Văn Q, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T trộm cắp có được như đã nêu ở trên, quá trình điều tra đã chứng minh làm rõ V, T1, T2 không biết rõ nguồn gốc những tài sản đó do trộm cắp mà có, việc giao dịch mua bán trên chỉ là giao dịch dân sự thuần túy nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm đối với V, T1, T2 là đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[18] Về vật chứng: Cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, để xử tịch thu tiêu hủy đối với các vật chứng vì không có giá trị sử dụng gồm: 01 (một) bao tải màu trắng mặt ngoài in hoa văn nhiều màu sắc, cũ đã qua sử dụng; 01 (một) chìa khóa có chữ HONDA trên chìa có chữ số P108, chìa khóa đã qua sử dụng.

[19] Về án phí cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo vì các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, mặt khác các bị cáo đều đã có đơn xin miễn án phí.

[20] Do đó quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ cần được chấp nhận; quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo về đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và áp dụng Điều 36 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo D 09 tháng cải tạo không giam giữ là không đủ căn cứ, không tương xứng với vai trò, hành vi phạm tội của các bị cáo, do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 1 Điều 293, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lộc Văn Q, Nguyễn Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: - Xử phạt bị cáo Lộc Văn Q 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 20/12/2021.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 22/02/2022.

3. Biện pháp tư pháp:

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quyết định tạm giam bị cáo Lộc Văn Q 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

- Căn cứ Điều 109, Điều 113, Điều 119, Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 Quyết định bắt, tạm giam bị cáo Nguyễn Văn D 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy đối với 01 (một) bao tải màu trắng mặt ngoài in hoa văn nhiều màu sắc, cũ đã qua sử dụng; 01 (một) chìa khóa có chữ HONDA trên chìa có chữ số P108, chìa khóa đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Điều tra Công an huyện Yên Minh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Minh lập ngày 27/01/2022)

5. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lộc Văn Q, Nguyễn Văn D.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam công an tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Yên Minh;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Yên Minh;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Yên Minh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Yên Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đặng